

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 200/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Ông Phạm Công Định

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Lệ Q**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh **Ngô Quang D**, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại CHLB Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Lệ Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Quang D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V), thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/8/2001. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm đối lập nhau, không có sự hòa hợp. Thời điểm đó anh D đi lao động ở CHLB Đ

mặc dù vợ chồng nhiều lần nói chuyện nhưng giữa vợ chồng chị không có tiếng nói chung. Đến năm 2021 anh D chấm dứt mọi liên lạc với chị làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách. Chị đã nhiều lần muốn liên lạc với anh D để làm rõ quan điểm của anh D về quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Quang D.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Ngô Phạm Thùy C, sinh ngày 30/12/2001; Ngô Phạm Thùy L, sinh ngày 27/12/2004 cả hai đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết; con chung Ngô Quang Thành Đ, sinh ngày 14/7/2006 chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của anh D) thể hiện: Anh D1 đang lao động ở CHLB Đ, còn địa chỉ cụ thể thì bà không biết, anh D1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh D1 biết. Anh Dũng không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh có quan điểm đồng ý ly hôn. Về con chung, anh D1 đồng ý để chị Q nuôi cháu Đ, còn cháu C và cháu L đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh D1 không đề nghị Tòa án giải quyết,

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Q và anh D1 kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị Q và anh D1 do không có sự hòa hợp, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống cũng như công việc dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị Q có đơn ly hôn anh D1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của chị Q và anh D1 là Ngô Quang Thành Đ có nguyện vọng được ở với chị Q.

Tại phiên tòa: Chị Q vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Dũng vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn giàu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Lệ Q được ly hôn anh Ngô Quang D; Về con chung: Giao cho chị Phạm Lệ Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Quang Thành Đ, sinh ngày 14/7/2006. Chị Phạm Lệ Q tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Lệ Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Ngô Quang D. Anh D1 hiện đang sinh sống và lao động tại CHLB Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị Q đề nghị xét xử vắng mặt, anh D1 vắng mặt lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q, anh D1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Lệ Q và anh Ngô Quang D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V), thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/8/2001. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do không có sự hòa hợp trong cuộc sống. Thời điểm đó anh D quyết định đi lao động ở CHLB Đ, chị Q không nhất trí nhưng anh D vẫn quyết định đi nước ngoài lao động. Đến năm 2021 anh D chấm dứt liên lạc với chị làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách, lạnh nhạt, không còn quan tâm tới nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Q, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua gia đình, anh D cũng có quan điểm nhất trí ly hôn, do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Q được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung là Ngô Phạm Thùy C, sinh ngày 30/12/2001; Ngô Phạm Thùy L, sinh ngày 27/12/2004 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét. Đối với con chung Ngô Quang Thành Đ, sinh ngày 14/7/2006. Anh Dũng hiện ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con, chị Q hiện ở Việt Nam, có sức khỏe và thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, cần giao cho chị Q nuôi con Ngô Quang Thành Đ là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung. Chị Q tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh D xác định không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Lệ Q** ly hôn với anh **Ngô Quang D**.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Lệ Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ngô Quang Thành Đ, sinh ngày 14/7/2006. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Lệ Q không yêu cầu anh Ngô Quang D phải cấp dưỡng cho con.

Anh Ngô Quang D thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Lệ Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000592 ngày 10/4/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Quang D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, chị Phạm Lệ Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, TP Chí Linh
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân